

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN

TT	TÊN TÀI LIỆU	SỐ HIỆU	SỐ TRANG
1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025	838/BC-VMC	27
2	Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý năm 2024	839/BC-VMC	05
3	Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	840/BKS-VMC	05
4	Báo cáo của BKS về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Ban Giám đốc năm 2024; Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024	841/BKS-VMC	12
5	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty	842/BKS-VMC	02
6	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	843/TTr-VMC	01
7	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Người quản lý Công ty	844/TTr-VMC	03

Số: 838/BC-VMC

Cám Phả, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025
(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2024 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm;

- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ;

- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

1.2. Khó khăn:

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường;

- Ảnh hưởng của các cuộc xung đột chiến tranh trên thế giới làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị và một số công trình trọng tâm.

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	So KH 2024 (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.905.000	2.277.530	2.293.304	120,4	100,7
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.950	601.786	633.357	111,9	105,2

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	So KH 2024 (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	114.593	116.641	136.549	119,2	117,1
4	Lao động bình quân	người	859	856	857	99,8	100,1
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ngt h	11.117	11.355	13.278	119,4	116,9
6	Lợi nhuận	tr.đ	15.000	15.328	17.075	113,8	111,4

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu:

* Chế tạo thiết bị, phụ tùng:

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2024 đạt: đạt 843 tấn/KH 900 tấn, bằng 94% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 78 tấn/700 tấn, bằng 11% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 1.300 cột/KH 6.000 cột, bằng 22% KH năm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 766 tấn/200 tấn, bằng 383% KH năm.

* Chế tạo, phục hồi phụ tùng:

- Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 157 tấn/KH 300 tấn, bằng 52% KH năm;

- Phục hồi phụ tùng: đạt 258 tấn/KH 500 tấn, bằng 52% KH năm;

- Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 333 tấn/KH 300 tấn, đạt 111% kế hoạch năm.

* Sản xuất thép cán và vì chống lò:

- Sản xuất thép cán: đạt 114.555 tấn/KH 90.000 tấn, bằng 127% KH năm và tăng 4,1% so với năm 2023; trong đó bán ra đạt 58.744 tấn/KH 53.500 tấn, bằng 110% KH năm.

- Chế tạo vì lò: đạt 54.641 tấn/KH 36.000 tấn, bằng 152% KH năm, tăng 22% cùng kỳ 2023.

* Sửa chữa thiết bị mỏ: Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2024 đạt 55 thiết bị/KH 55 thiết bị, bằng 100% KH đầu năm, bằng 76% so với cùng kỳ năm 2023.

2.1.3. Lao động và tiền lương:

Lao động bình quân 857 người/định mức 859 người, bằng 99,8 % KH giao; Tiền lương bình quân đạt 13.278.000 đồng/KH 11.117.000 đồng/người/tháng, đạt 119,4 % KH năm.

2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác:

2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm:

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2024, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Cơ bản đã bố trí đủ việc làm cho toàn thể người lao động;

- Đã duy trì sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Công ty (cán thép, sửa chữa thiết bị mỏ; sản xuất vì chống lò,...vv);

- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng một số thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV.

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: Chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước, ...vv.

2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

Trong năm 2024, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ: Thường xuyên thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả các cuộc họp giao ban sản xuất. Từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị hỏng bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất;
- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý:

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát từ khâu kiểm nhập đầu vào đến quá trình gia công chế tạo, lắp ráp, giám sát thực hiện quy trình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng hàng loạt. Về cơ bản chất lượng các sản phẩm truyền thống (thép cán, vì chống lò, sửa chữa thiết bị máy mỏ, các phụ tùng phục vụ sửa chữa lớn thiết bị...) ổn định, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục duy trì hiệu lực Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015;

- Duy trì tính hiệu lực, tính liên tục Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

2.2.4. Công tác kỹ thuật - công nghệ:

Trong năm 2024, công tác kỹ thuật đã bám sát vào kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” góp phần quan trọng đạt được sản lượng thép SVP năm 2024 đạt trên 110.000 tấn;
- Sử dụng hiệu quả phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) đã khắc phục các sai hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm đúc;
- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học: (i) Đã hoàn thành đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW và đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy đập búa sử dụng trong nhà máy sàng tuyển than có năng suất từ 100 T/h đến 150 T/h”. (ii) Đang phối hợp với chuyên gia tổ chức thực hiện Đề tài cấp TKV năm 2024 “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo Máy nắn thẳng thép hình sử dụng trong dây

chuyên Cán thép vì lò, thép hình U, I, L”; (iii) Đối với đề tài cấp TKV năm 2025 đã đề xuất, đăng ký mới 02 đề tài đang chờ TKV phê duyệt.

- Công tác sáng kiến năm 2024: Thẩm định và xét duyệt đạt 61 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi trên 17,4 tỷ đồng, trả thù lao cho các tác giả sáng kiến với số tiền là 958,5 triệu đồng, góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai:

a. Công tác ĐTXD: Công ty đã triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và hoàn thành các dự án đầu tư theo kế hoạch:

- Dự án chuyển tiếp 2023-2024: Quyết toán dự án hoàn thành;
- Dự án khởi công mới: “Dự án Đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất”:
- + Tổng số các gói thầu thực hiện: 04/04 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch;
- + Tổng giá trị thực hiện đầu tư: 10.148/10.283 (triệu đồng), đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm 2024.

- Việc thanh toán, giải ngân khối lượng hoàn thành được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ theo hợp đồng.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Hoàn thành thủ tục, hồ sơ thuê đất với UBND tỉnh Quảng Ninh đối với các mảnh đất Công ty đang quản lý, sử dụng;

- Thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy định; không vi phạm các quy định trong công tác quản lý đất đai.

2.2.6. Công tác vật tư, kho tàng:

Công tác vật tư trong năm 2024 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định. Công tác quản lý, thu hồi, sử dụng, thanh lý phế liệu được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Công ty và các hướng dẫn của TKV.

Kết quả giá trị mua sắm thực hiện năm 2024:

ĐVT: tỷ đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (31/12/2023)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2024)
Tổng số	146,979	1.940,835	2.017,006	70,808
Vật liệu	146,332	1.854,218	1.930,187	70,363
- Phôi thép	10,543	1.662,314	1.655,604	17,253
- Thép chống lò (mua)	88,463		88,463	
- Thép làm cột chống	2,45	3,624	2,110	3,964
- Vật tư, phụ tùng khác	27,093	164,416	163,506	28,003
- Vật tư, sắt thép phế liệu	17,783	23,864	20,504	21,143
Nhiên liệu	0,647	86,616	86,818	0,445

Trong năm 2024 mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, chiến sự Nga - Ucraina kéo dài dẫn tới chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng, vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, song về cơ bản công tác quản lý, mua sắm vật tư vẫn đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất. Công tác cấp phát vật tư đúng thủ tục, nguyên tắc, giá trị vật tư tồn kho đảm bảo tỷ lệ theo quy định của TKV (Tổng tỷ lệ tồn kho cuối kỳ so với tổng nhu cầu sử dụng năm 2024 là 3,5%, theo quy định của Tập đoàn TKV là 5%).

2.2.7. Công tác cơ điện, THH-TĐH và cung cấp điện, nước:

** Công tác cơ điện:*

- Về giá trị thực hiện sửa chữa các cấp đối với công trình, thiết bị cơ điện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr. đồng	29.550	23.860	24.567	103
2	Sửa chữa cấp trung tu	Tr. đồng	18.550	16.500	15.051	91

- Sửa chữa thường xuyên: Hoàn thành 100% công trình, thiết bị theo kế hoạch và đáp ứng về thiết bị phục vụ sản xuất;

- Sửa chữa cấp trung tu: Tổ chức thực hiện 19/19 thiết bị, cụ thể:

+ Chuyển tiếp từ năm 2023: Hoàn thành 01/01 thiết bị;

+ Kế hoạch năm 2024: Thực hiện 18/18 thiết bị, đạt 100 % kế hoạch, trong đó: Hoàn thành 16/18 thiết bị; dở dang 02 thiết bị (nghiệm thu, quyết toán đầu năm 2025).

** Các công ứng dụng THH, TĐH:*

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Năm 2024, hoàn thành được 5/5 công trình theo kế hoạch, giá trị thực hiện 6,67 tỷ đồng.

** Công tác quản lý năng lượng:*

- Thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị điện theo kế hoạch; giám sát chặt chẽ các phụ tải có công suất lớn, đảm bảo cung cấp điện an toàn cho sản xuất. Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018 và tiếp tục thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện năng;

- Điện năng sử dụng trong toàn Công ty là 11.553.786/12.122.000 (kWh), tương đương 95% kế hoạch năm; trong đó:

+ Điện năng cho sản xuất: 11.389.731 kWh;

+ Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh): 7.512 kWh;

+ Điện cho sinh hoạt: 156.543 kWh;

+ Số giờ mất điện: 87 giờ 54 phút; số lần mất điện: 35 lần (thời gian mất điện dài chủ yếu do ảnh hưởng của Bão số 3).

*** Công tác cung cấp nước:**

- Nước sạch mua vào, sử dụng 103.748/126.300 (m³), tương ứng 82% kế hoạch năm (tiết kiệm do sử dụng từ nguồn nước mưa, nước tuần hoàn);

- Nước sau hệ thống xử lý được sử dụng tuần hoàn: 334.690 m³.

Đánh giá: Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng cơ bản đã đảm bảo năng lực thiết bị, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, nâng cấp mức độ tự động hóa thiết bị hiện có; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng, tiết kiệm chi phí so với kế hoạch.

2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương:

*** Công tác định mức:**

- Đáp ứng được với yêu cầu chung của sản xuất, kịp thời xây dựng các định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất ở các công trình/dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho NLĐ;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

*** Công tác quản lý lao động:**

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các đơn vị trong Công ty để cân đối số lao động cần thiết cho sản xuất. Thực hiện việc điều chuyển, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hằng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2024 như sau:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2024 (Người)	Lao động đến cuối 2024 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2024 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2024 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Lao động quản lý	116	117	+01	13,66
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	74	72	-02	8,41
3	Lao động công nghệ	666	668	+24; -40 +18 TV	77,93
	Tổng:	856	857		100

- Kết quả tình giảm lao động: Đã giảm tuyệt đối 02 lao động gián tiếp, phục vụ phụ trợ.

*** Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương:**

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2023	KH - 2024	TH năm 2024	% TH/KH năm 2024	% TH 2024/TH 2023
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	2.277.530	1.905.000	2.293.304	120,4	100,7
	Giá trị sản xuất tính lương	"	601.786	565.949	633.356	111,9	105,2
2	Sản lượng than tiêu thụ	1000 tấn					
3	Lao động bình quân	người	856	859	857	99,8	100,1
	Người quản lý	"	6,0	6,00	5,67	94,5	94,5
	Người lao động	"	850	853	851	99,8	100,1
4	Tổng quỹ lương	tr.đồng	116.641	114.593	136.549	119,2	117,1
	Người quản lý	"	2.304	2.433	2.735	112,4	118,7
	Người lao động	"	114.337	112.160	133.814	119,3	117,0
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	11.355	11.117	13.278	119,4	116,9
	Người quản lý	"	31.825	33.792	40.271	119,2	126,5
	Người lao động	"	11.210	10.957	13.098	119,5	116,8
6	Năng suất lao động						
	Tính theo giá trị (DT - CP chưa có tiền lương)	Tr.đ/ng/năm	154,2	150,9	179,3	118,8	116,3
	Theo sản lượng (giá trị SX)	Tr.đ/ng/năm	703	659	739	112,1	105,1
7	Lợi nhuận sau khi quyết toán lương	tr.đồng	15.328	15.000	17.074	113,8	111,4

- Tiếp tục duy trì việc trả lương NLĐ qua KPIs;

- Quá trình điều hành thực hiện quỹ tiền lương đảm bảo bám sát theo kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng theo định mức lao động và theo đúng các quy định của Công ty.

** Công tác tổ chức cán bộ:*

- Đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (ban hành kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-VMC ngày 29/3/2024) với nhiều quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và quy định của TKV về công tác cán bộ;

- Đã xây dựng và ban hành Kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ thuộc diện Công ty quản lý năm 2024 và thực hiện việc luân chuyển, điều động đối với 04 cán bộ;

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cụ thể: (i) Cán bộ bổ nhiệm mới: 02 người; (ii) Cán bộ bổ nhiệm lại: 15 người;

- Thực hiện quy trình tiếp nhận và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty từ nguồn nhân sự do TKV giới thiệu và quy trình xem xét, bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ theo đúng quy định.

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động:*

- Chế độ Bảo hiểm xã hội: Thực hiện nộp đầy đủ BHXH theo quy định; chốt sổ, tham gia BHXH đối với các trường hợp chấm dứt HĐLĐ, tuyển dụng mới đúng quy định và đúng pháp luật.

Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2024:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
1	Bảo hiểm xã hội			
1.1	LĐ tham gia BHXH	Người	734	
1.2	Quỹ lương	Triệu đồng	61.389,26	
1.3	Số phải đóng	Triệu đồng	19.511,808	
2	Giải quyết chế độ			
2.1	Hưu trí	Người	10	
2.2	Tuất	Người	01	
2.3	Ốm đau, thai sản, dưỡng sức			
	Dưỡng sức sau thai sản	Đồng	15.174.000	
		Người	4	
	Ốm đau	Đồng	746.389.000	
		Lượt người	1.103	
	Thai sản	Đồng	296.439.900	
		Người	29	
2.4	Hoãn hợp đồng	Lượt người	01	
2.5	Chăm dứt HĐLĐ	Người	22	
	Trợ cấp CDHĐ	Đồng	776.825.000	
2.6	Giải quyết TNLĐ	Người	10	
	Chi trả trợ cấp TNLĐ	Đồng	68.778.280	

- Giải quyết phép năm đầy đủ, cấp phát trang bị BHLĐ kịp thời và đúng tiêu chuẩn, đối tượng;

- Thực hiện việc giải quyết và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, điều dưỡng cho CB, CN, NLĐ đầy đủ cùng kỳ trả lương tháng của Công ty; Chế độ bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng thêm ca cho các đối tượng theo đúng quy định của Công ty;

- Đặc biệt trong năm 2024, Giám đốc và Công đoàn Công ty đã ban hành NQLT số 2793/NQLT-GĐ-CD ngày 12/8/2024 về việc hỗ trợ NLĐ nghỉ chế độ hưu trí trong Công ty, theo đó NLĐ nghỉ hưu tại Công ty từ năm 2024 được Công ty hỗ trợ 10 triệu đồng tiền mặt từ nguồn Quỹ phúc lợi và tặng phẩm do người lao động lựa chọn có giá trị tương đương 10 triệu đồng từ Chi phí sản xuất. Đây là hoạt động đầy ý nghĩa, thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với những đóng góp, cống hiến lâu dài của NLĐ với Công ty, qua đó tiếp tục giữ chân NLĐ, đặc biệt là những NLĐ đang ở độ tuổi cận kề nghỉ hưu theo chế độ, giúp NLĐ yên tâm tiếp tục công tác, tạo điều kiện và môi trường tốt hơn trong công tác đào tạo thợ bậc thấp, thợ mới tuyển dụng, ...vv.

*** Công tác Y tế:**

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% NLĐ, khám sức khỏe cho NLĐ nặng nhọc, độc hại, nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ là 341 người, khám chuyên khoa nữ cho 208 lao động nữ,...vv; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ chủ chốt Công ty tại Bệnh viện Hồng Ngọc - Hà Nội; Tổ chức khám sức khỏe cho các đồng chí cán bộ lãnh đạo thuộc diện TKV quản lý tại Bệnh viện Than - Khoáng sản theo đúng kế hoạch;

- Đã kết hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Quảng Ninh về đo kiểm tra môi trường lao động tại các phân xưởng trong Công ty qua đó đề xuất các giải pháp cải tạo đảm bảo môi trường làm việc phù hợp cho người lao động; Tổ chức phun diệt côn trùng, muỗi gián định kỳ để phòng chống các loại dịch bệnh lây lan trong mùa hè;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.

** Công tác đời sống:*

Năm 2024, Nhà ăn Công nghiệp đã phục vụ ăn công nghiệp, cơm khách, hội nghị đảm bảo an toàn tuyệt đối về an toàn thực phẩm và tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng trang thiết bị, hạch toán chi phí, bố trí hợp lý lao động thực hiện sản xuất kinh doanh, một số kết quả:

- Phục vụ ăn Công nghiệp: 187.279 suất, tổng số tiền 4.307.417.000 đồng;
- Cấp phát độc hại: 1.293.300.500 đồng;
- Phục vụ chanh đường chống nóng: 8.488.000 đồng;
- Phục vụ nước khoáng chống nóng: 177.940.000 đồng;
- Sản xuất và cung cấp nước lọc: 750.000 lít nước lọc đóng bình;
- Cấp phát bồi dưỡng độc hại, chống nóng mùa hè đầy đủ, đúng quy định.

2.2.9. Công tác tài chính kế toán:

** Tình hình tài chính, công nợ:*

- Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

- Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn	45,24	328,18	373,42		-45,24
II	Vay dài hạn	34,09	2,82	10,85	26,06	-8,03

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
I	Các loại thuế	24.433
1	Thuế TNDN	4.964
2	Thuế GTGT	14.669
3	Thuế TNCN	2.157
4	Thuê đất	2.432
5	Thuế môn bài	4
6	Thuế khác	207
II	Bảo hiểm xã hội	19.512

*** Tình hình thu hồi công nợ:**

Ngay từ đầu năm, Công ty đã luôn quan tâm sát sao đến công tác thu hồi công nợ nên năm 2024 công tác thu hồi công nợ đạt kết quả cao, tình hình tài chính ổn định đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất của Công ty. Trong năm 2024, Công ty thu được: 2.421,6 tỷ đồng/2.517,4 tỷ đồng, đạt 96,2% tổng số nợ phải thu khách hàng.

*** Tình hình thanh toán cho người bán:**

Trong năm 2024, Công ty trả được 2.146,0 tỷ đồng/2.219,4 tỷ đồng nợ phải trả người bán, đạt 96,7% tổng số nợ phải trả người bán, thực hiện đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn, không để quá hạn các khoản phải trả khách hàng trong năm.

*** Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:**

+ Vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 01/01/2024: 66.241 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

Tại ngày 31/12/2024: 68.603 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

*** Tình hình tài chính**

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu so với năm 2023

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	0,91 lần	0,94 lần	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	0,49 lần	0,58 lần	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,90 lần	0,91 lần	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,36 lần	9,75 lần	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,32 lần	3,11 lần	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,53%	0,58 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,19%	19,4 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,76%	1,80 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần	0,66 %	0,74 %	

2.2.10. Công tác AT-VSLĐ; An ninh, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường:

*** Công tác AT-VSLĐ, PCCC:**

- Tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho 100% người lao động trong Công ty và người lao động thực hiện việc sửa chữa các thiết bị tại khai trường của các đơn vị; huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm cho tổng số 598 lượt người theo quy định;

- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Kết quả thực hiện AT-VSLĐ: Hoàn thành 5/5 nội dung với giá trị thực hiện 8.302/8.198 (triệu đồng), tương đương 101,3 % kế hoạch năm, cụ thể:

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Tỷ lệ giá trị TH/KH (%)
		Số việc	Giá trị (tr.đồng)	Số việc	Giá trị (tr.đồng)	
1	Kỹ thuật an toàn PCCC	11	1.798	11	1.798	100
2	Biện pháp kỹ thuật VSLĐ, phòng chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động	6	358	6	360	100,5
3	Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân	47	1.040	47	1.115	107
4	Chăm sóc sức khỏe người lao động	10	4.140	10	4.167	101
5	Thông tin tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ	17	862	17	862	100
	Cộng	91	8.198	91	8.302	101,3

- Năm 2024, Công ty không xảy ra TNLĐ nặng, TNLĐ nghiêm trọng, sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, còn xảy ra một số vụ TNLĐ nhẹ như vấp ngã, va đập, đứt tay chân,... (nguyên nhân chính do người lao động chủ quan, thiếu quan sát, không tập trung hoặc thực hiện tắt quy trình khi làm việc);

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC&CNCH, hoàn thành kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH; bảo dưỡng các hệ thống PCCC tự động và trang bị, thay thế các phương tiện PCCC theo kế hoạch. Năm 2024, Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hoặc vi phạm về công tác PCCC.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản:*

- Bảo vệ chuyên trách Công ty phối kết hợp với lực lượng bảo vệ Hồng Hà đảm bảo an ninh trật tự và sẵn sàng chiến đấu; Thực hiện tốt Quy định quản lý Khách đến làm việc tại Công ty; Ban hành và thực hiện tốt các Kế hoạch bảo vệ ANTT trong các ngày lễ, Tết, sự kiện của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra thời gian làm việc, sử dụng trang bị bảo hộ lao động, các quy định theo Nội quy lao động tại các chốt bảo vệ. Kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật tư, thiết bị, phương tiện vận chuyển ra/vào cổng, cập nhật vào hồ sơ, sổ sách đúng quy định;

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB, CN, NLĐ được giải quyết kịp thời, không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng:*

- Ban CHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy định; (ii) Thực hiện tốt các kế hoạch và chương trình huấn luyện lực lượng tự vệ năm 2024 (giáo án bài giảng về chính trị, quân sự theo kế hoạch của Ban CHQS thành phố);

- Thực hiện tốt Kế hoạch sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, thực hiện tốt Lễ giao nhận quân năm 2024 do Ban CQS thành phố Cẩm Phả tổ chức (năm 2024 giao 01 tân binh lên đường nhập ngũ); Công ty hoàn thiện 01 hồ sơ tuyển quân để nhập ngũ năm 2025;

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập.

*** Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Bảo vệ môi trường:**

- Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Ban hành và thực hiện phương án PCTT-TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét các hồ lắng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa 956 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét nhà xưởng và kiểm định định kỳ 100% thiết bị điện trước mùa mưa bão. Tổ chức các biện pháp ứng phó và khắc phục nhanh hư hỏng, thiệt hại do Bão số 3 (YAGI) để các đơn vị nhanh chóng trở lại sản xuất bình thường. Giá trị thực hiện 3.475/3.325 (triệu đồng), tương đương 104,5% kế hoạch năm;

- Công tác Bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra, kiểm soát môi trường lao động; Đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường; công tác thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và chuyển giao, xử lý được thực hiện theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh của Công ty và Bộ Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” của TKV; Duy trì thực hiện Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Công cụ quản lý 5S;

+ Kết quả chi phí thực hiện đạt 5.582/5.985 (triệu đồng), tương đương 93,3% kế hoạch (chi phí thực hiện giảm do: Khối lượng chất thải phải xử lý giảm, Chi phí phân định chất thải, hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải,... giảm).

2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí:

Công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2024 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2024, Quyết định số 1333/QĐ-VMC ngày 23/4/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 nhằm triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động để thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

2.2.12. Các công tác khác:

*** Công tác xã hội, cộng đồng:**

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: (i) Tổ chức gặp mặt kỷ 75 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 đối với NLĐ là con Liệt sĩ đang công tác tại Công ty; (ii) Phối hợp với Hội CCB Công ty tổ chức cho Hội viên Hội CCB và các con của Liệt sĩ đi tham quan, du lịch về nguồn; (iii) Phối hợp tốt với các tổ chức trong Công ty trong việc thực hiện thăm hỏi, động viên, hỗ trợ cho nạn nhân chất độc màu da cam;

- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân các ngày Lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7;

- Quan tâm chăm lo các cháu con CB, CN, NLĐ: tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, các cháu tạt nguyên nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Quốc tế thiếu nhi và Trung

thu; Tuyên dương, khen thưởng các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi đỗ Đại học năm học 2023-2024;

- Thường xuyên quan tâm, chăm lo, đóng góp ủng hộ, động viên các gia đình người lao động đặc biệt khó khăn;

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội khác.

** Công tác văn hóa, thể thao:*

Trong năm 2024, hoạt động VHVN, TDTT, tuyên truyền động viên NLĐ của Công ty tiếp tục được duy trì và diễn ra thường xuyên, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần cho NLĐ, mặt khác tạo sự đoàn kết, gắn bó, phối hợp hiệu quả trong công việc. Một số hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức giải cầu lông nhân dịp Kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Công ty (23/7/1968 – 23/7/2024), giải cầu lông truyền thống Công ty năm 2024 chào mừng 88 năm ngày truyền thống công nhân Mỏ, truyền thống ngành than (12/11/1936 – 12/11/2024) thu hút đông đảo và tích cực tham gia của CB, CN, NLĐ trong Công ty; Tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng và các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương.

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, đảm bảo quyền lợi và tôn vinh NLĐ.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ

3.1. Công tác chỉ đạo:

- Đảng ủy, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, kết luận, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện phù hợp với đặc thù sản xuất của Công ty;

- Ban Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo, các phòng, ban chức năng xây dựng Quy chế, Quy định, Nội quy phù hợp với Công ty cùng sự thay đổi của các văn bản, quy định của Nhà nước, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc.

3.2. Xây dựng, ban hành văn bản:

Trong năm 2024, Công ty đã xây dựng, thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành thực hiện trên 4.876 văn bản các loại. Trong đó có các văn bản quan trọng sau:

- Nghị quyết HĐQT: 23 Nghị quyết;

- 01 Nghị quyết của Hội nghị người lao động; 22 Nghị quyết liên tịch giữa chuyên môn với Công đoàn;

- 01 Kế hoạch SXKD năm 2024; 12 Kế hoạch SXKD tháng, quý; 01 giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024;

- 54 quy định, quy chế về quản lý, quản trị;

- 12 chỉ thị các loại;

- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015;

- Thực hiện triển khai xây dựng áp dụng HTQL Môi trường ISO 14001:2015, HTQL Năng lượng ISO 50001:2018 và Công cụ năng suất 5S,...vv.

3.3. Công tác triển khai thực hiện:

- Trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy chế, quy định, nội quy, nghị quyết, chỉ thị, qua đó phát triển sản xuất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB, CN, NLĐ;

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có những hạn chế: Việc tổ chức thực hiện xây dựng, ban hành một số nội quy, quy chế, quy định còn chậm; Việc nắm bắt, thực hiện các nội dung quy định, quy chế tại một số thời điểm chưa kịp thời.

IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NLĐ

4.1. Công tác Thi đua - Khen thưởng:

a. Các nội dung, mục tiêu thi đua trong năm 2024:

Công tác thi đua đã tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2024 với nhiều hình thức đổi mới, thiết thực. Một số nội dung cụ thể:

- Thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tháng, quý, năm;
- Thi đua lao động sản xuất 90 ngày đêm Quý IV năm 2024;
- Thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thi đua đảm bảo an toàn, giữ vững môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”;
- Thi đua hưởng ứng Tháng Công nhân;
- Thi đua đạt các danh hiệu: “Người thợ mỏ - Người chiến sỹ”, Cá nhân điển hình tiên tiến, Bàn tay vàng, Kỹ sư giỏi, Chiến sỹ thi đua;
- Thi đua chào mừng Kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Công ty, chào mừng ngày Truyền thống Công nhân Mỏ - Truyền thống ngành Than;
- Thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt là chào mừng Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (10/10/1994 – 10/10/2024).

b. Kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung, chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2024:

- Các danh hiệu thi đua: cụ thể tại mục VI;
- Đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích với tổng số tiền thưởng năm 2024: 3.400.500.000 đồng.

4.2. Kỷ luật lao động:

Trong năm 2024 có 09 trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm theo đúng Nội quy lao động của Công ty, trong đó hình thức kỷ luật: Sa thải: 08 trường hợp; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng: 01 trường hợp.

V. CÔNG TÁC THU, CHI CÁC QUỸ VÀ TRÍCH NỘP BHXH

Năm 2024, Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	-174,5	73,6	757,6
2	Thu năm 2024	1.215,0	4.241,3	1.817,7
3	Chi năm 2024	1.035	3.601,1	1.924,0
4	Số dư tại ngày 31/12/2024	4,6	713,8	651,3

Thực hiện việc trích, nộp BHXH, BHYT, BHTN, đúng, đủ với tổng số tiền: 18.969 triệu đồng.

VI. KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NLĐ NĂM 2024

Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn diện các mặt sản xuất, công tác, mục tiêu Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2024.

Về chỉ tiêu doanh thu đạt 2.293,304/1.905 tỷ đồng, bằng 120,4% KH.

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận đạt 17,075/15 tỷ đồng, bằng 113,8% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 24,433 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 13.277.765 đồng/người/tháng, bằng 119,4 KH.

Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “**An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả**”; Đẩy mạnh các hoạt động VHTT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

* Kết quả công thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung Kế hoạch liên tịch phát động thi đua năm 2024, cụ thể như sau:

- Công tác sáng kiến đạt 61/70 chỉ tiêu sáng kiến, đạt 87%;
- Đơn vị về trước kế hoạch đạt 2/3 đơn vị, đạt 67%;
- Tổ đội về trước kế hoạch đạt 23/25 tổ, đạt 92%;
- Tổ lao động tiên tiến đạt 59/60 tổ, đạt tỷ lệ 98,4%;
- Tổ đội lao động xuất sắc đạt 40/40 tổ, đạt 100%;
- Cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 664/730 tổng số lao động, chiếm tỷ lệ 91%, vượt 11% so với kế hoạch;

- Chiến sĩ thi đua cơ sở đạt 107/105 người, đạt 102%;
- Kỹ sư giỏi đạt 6/6 người, đạt 100%;
- Công nhân đạt danh hiệu bàn tay vàng đạt 72/75 người, đạt 96%;

* Công ty đang đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua:

- Cờ thi đua của Ủy ban QLV cho Công ty;
- Bằng khen Ủy ban QLV: 02 đơn vị, 18 người;
- Bằng khen Thủ tướng chính phủ: 01 đơn vị, 01 người;
- Thợ mỏ sáng tạo: 08 người;
- Bằng lao động sáng tạo: 02 người;
- Bằng khen của TKV: 10 người.
- Đảng bộ Công ty đạt danh hiệu Đảng bộ cơ sở bốn tốt tiêu biểu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;

- Công đoàn Công ty: (i) Nhận Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2024; (ii) Nhận Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Tỉnh Quảng Ninh là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Kỷ luật và Đồng tâm, lao động sáng tạo, xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh, hiện đại năm 2024; (iii) Chứng nhận của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam là Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;

- Đoàn thanh niên Công ty: (i) Nhận Bằng khen của Tỉnh đoàn Quảng Ninh là đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2024; (ii) Nhận Giấy khen của Đoàn Than Quảng Ninh là Đơn vị có thành tích xuất sắc,

tiêu biểu công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm 2024: (ii) Nhận Giấy khen của Đoàn Than Quảng Ninh là đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác vệ sinh môi trường nơi làm việc, nhà điều hành và khai trường sản xuất giai đoạn 2023-2024;

- Hội CCB Công ty nhận Giấy khen của Hội CCB thành phố Cẩm Phả vì đã có thành tích trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” năm 2024.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2024, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, do đó thực hiện đạt vượt mức, đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, tạo được sự tin tưởng, sự đồng thuận cao của NLĐ.

PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi:

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng;

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao;

- Kết quả thực hiện đồng bộ, hiệu quả năm 2024, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2025.

1.2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có những biến động khó lường, xung đột chiến tranh trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp làm đứt gãy chuỗi cung ứng một số mặt hàng thiết yếu cho SXKD, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Cạnh tranh trong thị trường ngành cơ khí diễn ra gay gắt;

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn thiếu;

- Thiết bị của Công ty chưa đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ;

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất; thực hiện bảo vệ môi trường; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho

người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề, ...vv.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 2.000 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.978,25 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 2.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 571,233 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 580 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 17 tỷ đồng; Tỷ lệ lợi nhuận/VCSH: 36%;
- Lao động bình quân theo định mức: 856 người;
- Tiền lương bình quân: 12,451 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: $\geq 10\%$;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13.940 triệu đồng;
- Bảo toàn và phát triển vốn;
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2025 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải, v.v;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất cột chống thủy lực, trong đó chủ động để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị về nhu cầu, chủng loại đồng thời nghiên cứu, hợp tác đổi mới công nghệ mạ các loại cột chống để tăng sản lượng tiêu thụ. Làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, phối hợp với các đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, thanh quyết toán đáp ứng nhu cầu sử dụng thép lò, vì chống lò khi có sự thay đổi về cơ chế điều hành, v.v;

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

- Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:

Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh;

Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động **“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”** tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí trong nước.

- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

2. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

+ Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 1000/QĐ-VMC ngày 29/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Đối với công nhân lao động: Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Phối hợp với các nhà cung cấp thiết bị để mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sửa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư;

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao ý thức thực thi pháp luật; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên;

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Đổi mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng chính phủ.

3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc JSCAST, phần mềm quản lý nhân lực, phần mềm quản lý vật tư; các thiết bị CNC; sửa chữa nâng cấp hệ thống điện bằng hệ thống điều khiển bằng PLC, lắp đặt thêm hệ thống hiển thị số, v.v). Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, ...vv;

- Triển khai quyết liệt việc chuyển đổi số theo Kế hoạch số 2768/KH-VMC ngày 30/8/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN giai đoạn 2024 – 2025, tiến tới chuyển đổi hầu hết các hoạt động của Công ty trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để gia tăng hiệu quả hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, ...vv;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mạ để nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Nghiên cứu phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, ...vv);

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột

chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng, v.v); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời. Áp dụng trong toàn Công ty Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018;

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT, thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, mở rộng phạm vi áp dụng trong toàn Công ty; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, thực hiện công cụ 5S ở tất cả các đơn vị trong Công ty; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán, PX Đúc, ...vv).

4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “chỉ bàn làm, không bàn lùi”, “không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm”. Phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý; Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh trật tự trong việc quản lý, mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư, quản lý kho tàng, thu hồi phế liệu, ...vv;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động:

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty;

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2025 với mục tiêu “AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ”.

Các tổ chức, đơn vị trong Công ty đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e- copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CĐ (e-copy);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	So sánh (%)	
						So với KH năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023
1	2	3	4	8	9	10=8/9	11=8/4
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Chế tạo thiết bị	tấn	900	843	354	94	239
1.1	Thiết bị ngành than	tấn	700	78	331	11	22
	Trong đó:						
	- Máy xúc VMC 500	máy	2				-
	- Cột chống thủy lực	cột	6.000	1.300	5.118	22	25
	- Chế tạo xe gồng các loại	xe	50	-	23	0	-
1.2	Thiết bị ngành khác	tấn	200	765	23	383	3.326
2	Chế tạo, phục hồi phụ tùng		1.100	748	616	68	121
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	300	157	261	52	60
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	333	67	111	499
2.3	Phục hồi phụ tùng	tấn	500	258	287	52	90
3	Sản xuất vì chống lò, thép cán						
3.1	Sản xuất vì chống lò	tấn	36.000	54.641	44.619	152	122
3.2	Thép chống lò	tấn	90.000	114.555	110.086	127	104
	Tr.đó: bán trong than		53.500	58.744	67.341	110	87
4	Sửa chữa thiết bị xe máy		55	55	72	100	76
4.2	Xe gạt D85A, khác	cái	6	3	5	50	60
4.3	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	cái	5	3	7	60	43
4.4	Máy xúc nhỏ	cái	8	5	12	63	42
4.5	Máy khoan xoay cầu CBIII	cái	5	3	6	60	50
4.6	Máy khoan các loại	cái	1	2	2	200	100
4.7	Xe máy, các thiết bị khác	cái	30	39	40	130	98
5	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	10.250	82.156	49.636	764	166
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	-				
	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	9.000	81.100	48.434	854	167
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
II	Doanh thu	tr.đ	1.905.000	2.293.304	2.277.530	120,4	100,7
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	tr.đ	1.894.250	2.210.525	2.227.195	116,7	99,3
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.844.250	2.169.353	2.215.539	118	98

1	2	3	4	8	9	10=8/9	11=8/4
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	50.000	41.172	11.656	82	353
2	Doanh thu sản xuất và dịch vụ #	tr.đ	10.250	82.156	48.937	792	166
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	-	-	-		
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	9.000	81.100	48.434	854	167
3	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
3	Doanh thu tài chính, khác	tr.đ	500	623	699	125	89
III	Giá vốn	tr.đ	1.338.550	1.659.948	1.674.345	124	99
1	Giá vốn phôi thép và thép chống lò	tr.đ	1.330.000	1.586.004	1.626.909	119	98
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	tr.đ	8.550	73.944	47.436	819	156
IV	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.950	633.357	601.786	112	105
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép lò)	tr.đ	564.270	625.145	599.586	111	104
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	1.680	8.212	2.200	489	373
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	-	-	-		
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	430	7.156	998	1.664	717
	+ Sản xuất ô xy, ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	tr.đ	1.890.000	2.276.230	2.262.202	120	100
1	Chi phí trung gian	tr.đ	1.736.078	2.085.540	2.101.672	120	99
2	Giá trị gia tăng	tr.đ	153.922	190.690	160.529	124	119
2.1	Tiền lương	tr.đ	114.593	136.549	116.641	119	117
	Trong đó: Quỹ lương VCQL	tr.đ	2.434	2.735	2.304	112	119
2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	tr.đ	15.841	15.101	14.219	95	106
2.3	KHTSCĐ	tr.đ	23.488	39.040	29.669	166	132
3	Kết chuyển CP dở dang trong kỳ	tr.đ					
4	Chi phí hoạt động tài chính	tr.đ					
VI	Lợi nhuận	tr.đ	15.000	17.075	15.328	114	111
VII	Các chỉ tiêu về lao động tiền lương						
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		198	211,3	190	107	111
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	859	857	856	99,8	100
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	11.117	13.278	11.354	119,4	117
	Trong đó: Tiền lương BQ NLD	1000đ/ng/thg		13.098	11.199		117
	Tiền lương BQ VCQL	1000đ/ng/thg		40.231	32.000		126

Phụ lục 02

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	614.489.166.435	538.525.318.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.620.885.084	6.163.529.636
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	363.761.526.909	272.821.262.851
III. Hàng tồn kho	234.227.186.860	245.015.236.228
IV. Tài sản ngắn hạn khác	8.879.567.582	14.525.290.047
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	122.981.997.315	147.743.208.017
I. Tài sản cố định	98.024.921.056	128.247.642.817
II. Tài sản dài hạn khác	24.838.729.883	19.495.565.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	737.471.163.750	686.268.526.779
C - NỢ PHẢI TRẢ	668.868.032.871	619.693.748.309
I. Nợ ngắn hạn	651.653.926.471	594.416.285.338
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	561.834.536.614	489.250.666.477
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.807.613.291	1.614.677.929
3. Phải trả người lao động	38.588.784.778	37.178.193.232
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.851.160.800	56.085.324.978
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	35.443.667.245	3.827.285.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.128.163.743	6.460.136.969
II. Nợ dài hạn	17.214.106.400	25.277.462.971
Trong đó		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.214.106.400	23.246.643.200
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	1.480.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	68.603.130.879	66.574.778.470
I. Vốn chủ sở hữu	68.603.130.879	66.241.370.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.583.273.841	5.480.152.203
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.046.347.038	13.787.708.772
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		333.407.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	737.471.163.750	686.268.526.779

Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	CÁC CHỈ TIÊU HIỆN VẬT	-		
1	Sửa chữa thiết bị xe máy	TB	53	
1.1	Máy khoan điện + Máy khoan thủy lực	máy	8	
1.2	Máy xúc nhỏ + máy xúc trong lò	máy	5	
1.3	Máy xúc gầu > 4m3	máy	6	
1.4	Máy gạt, máy san đường	xe	4	
1.5	Sửa chữa thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	T.bị	30	
2	Sản phẩm cơ khí chủ yếu		-	
2.1	Sản xuất vì lò, thép cán		-	
	- Sản xuất thép vì lò	tấn	100.000	
	- Chế tạo vì chống lò	tấn	45.000	
	- Thép vì lò bán ra	tấn	52.000	
2.2	Cột chống thủy lực các loại	cột	5.000	
2.3	Chế tạo và phục hồi phụ tùng ngành than và ngành khác	tấn	850	
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	250	
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	
	- Phục hồi TB phụ tùng	tấn	300	
3	Chế tạo thiết bị phục vụ ngành than và ngành khác	tấn	500	
	- Chế tạo thiết bị ngành than	tấn	200	
	+ Máy xúc đá VMC E500-1	máy	1	
	+ Xe goòng các loại	xe	50	
	- Chế tạo thiết bị ngành khác	tấn	300	
4	Sản xuất và kinh doanh khác	tr.đ	21.250	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	tr.đ	1.250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	

II	CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1	Doanh thu tổng số	tr.đ	2.000.000	
1.1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	1.978.250	
1.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	21.250	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
2	Giá vốn	tr.đ	1.428.267	
	- Giá vốn phôi thép cán	tr.đ	1.409.867	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	tr.đ	18.400	
3	Giá trị sản xuất	tr.đ	571.233	
3.1	Giá trị sản xuất cơ khí	tr.đ	568.383	
3.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	2.850	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	
	- Sản xuất, dịch vụ khác	tr.đ	1.600	
4	Tổng chi phí theo yếu tố	tr.đ	1.983.000	
	- Vật liệu		1.579.462	
	- Nhiên Liệu		102.560	
	- Động lực		23.641	
	- Tiền lương	tr.đ	127.893	
	Trong đó: VCQL	tr.đ	2.793	
	- Bảo hiểm XH, YT, CĐ, TN	tr.đ	17.425	
	- Khấu hao tài sản	tr.đ	21.539	
	- Chi khác	tr.đ	91.783	
	- Thuê ngoài	tr.đ	20.291	
	- Chênh lệch đầu cuối kỳ tồn kho	tr.đ	-10.000	
	- Chi phí tài chính + khác	tr.đ	8.416	
5	Lợi nhuận	tr.đ	17.000	

6	Vốn đầu tư XD CB	tr.đ	11.058	
	- Khấu hao	tr.đ	4.837	
	- Vốn ngân sách	tr.đ	-	
	- Vốn vay	tr.đ	6.221	
7	Lao động - Tiền lương			
7.1	Lao động bình quân	người	856	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>7,0</i>	
7.2	Tổng quỹ tiền lương	tr.đ/ng/năm	127.893	
	- Tiền lương chi từ Tập đoàn (nếu có)			
	- Tiền lương hoạch toán vào chi phí		127.893	
	+ Người lao động		125.100	
	+ Viên chức quản lý		2.793	
7.3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	12.451	
	+ Người lao động	1000đ/ng/th	12.279	
	+ Viên chức quản lý	1000đ/ng/th	33.252	
8	Nhu cầu vốn lưu động	tr.đ	105.926	
	- Vốn ngân sách và tự có	tr.đ	-	
	* Vòng quay vốn lưu động	Vòng/năm	3,5	
9	Nộp ngân sách	tr.đ	29.176	
	- Thuế GTGT phải nộp	tr.đ	22.080	
	- Thu nhập cá nhân	tr.đ	1.000	
	- Thuế đất	tr.đ	2.772	
	- Thuế môn bài	tr.đ	4	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	3.320	

C.P. H.